

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4766/UBND-TC

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Về chiến lược phát triển giai đoạn  
2026-2030; Kế hoạch sản xuất kinh  
doanh và đầu tư phát triển 05 năm  
(2026-2030); Kế hoạch sản xuất kinh  
doanh năm 2026 của Công ty TNHH  
MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh

Kính gửi:

- Các sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp  
và Môi trường;
- Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều  
Quảng Ninh;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi  
Đông Triều Quảng Ninh.

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh có các Tờ trình: Số 235/TTr-CTTLĐT ngày 10/11/2025, số 218/TTr-CTTLĐT ngày 10/10/2025 về việc xin phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030); Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh; theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9117/STC-QLDN ngày 21/11/2025 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh (Văn bản lấy ý kiến số 3967/VP.UBND-TC ngày 05/12/2025 của Văn phòng UBND tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Đồng ý về chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9117/STC-QLDN đề Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030); Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 05/10/2015 của Chính phủ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh:

- Quyết định và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030); Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của doanh nghiệp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND tỉnh) về nội dung, số liệu đã báo cáo; việc bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động rà soát, cân đối tổng thể các nội dung sử dụng từ nguồn khấu hao tài sản cố định để đầu tư các dự án đảm bảo thực hiện sản xuất kinh doanh, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, quản lý vận hành, khai thác hệ thống công trình tưới tiêu và lộ trình thực hiện dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định. *10/02/2016*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - V0-4, TM3, NLN;
  - Lưu VT, TM7.
- 02b, CV-DNNN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Điện**

Số: 242/QĐ- CTTLĐT

Đông Triều, ngày 12 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030).

### CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính Phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện Chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2015/NĐ-CP, ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; số 32/2018/NĐ-CP, ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ; số 140/2020/NĐ-CP, ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ; số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện Chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;*

*Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC, ngày 17/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*

Căn cứ Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh;

Căn cứ Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030); Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh đã được UBND tỉnh đồng ý tại Văn bản số 4766/UBND-TC ngày 11/12/2025;

Xét Tờ trình số 253/TTr-CT ngày 12/12/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030) của Công ty.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và Ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (giai đoạn 2026-2030) của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

**Điều 3.** Ban điều hành, các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Tổ chức - Hành chính, Kỹ thuật – Dịch vụ; Quản lý nước- quản lý công trình, Đội thi công sửa chữa công trình, các Cụm thủy nông trực thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu Công ty.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Đặng Văn Tuyên**

## PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

UBND TỈNH QUẢNG NINH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU  
MST: 5700102341

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 140/KH-CTTLĐT

Đông Triều, ngày 10 tháng 11 năm 2025

### **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2035, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU** (Kèm theo Tờ trình số 235/TTr-CTTLĐT ngày 10/11/2025)

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/7/2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2015/NĐ-CP, ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; số 32/2018/NĐ-CP, ngày 08/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ; số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện Chủ sở hữu nhà nước; số 140/2020/NĐ-CP, ngày 30/11/2020 của sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017; số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; số 36/2021/TT-BTC, ngày 26/5/2021 hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; số 77/2021/TT-BTC, ngày 17/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh; số 32/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập và Miền Đông; số 3526/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ vào kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm (giai đoạn 2021-2025) của Công ty;*

Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2035, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (giai đoạn 2026-2030) của Công ty, với những nội dung như sau:

## **I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Đông Triều (viết tắt là Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều) là doanh nghiệp hoạt động công ích 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu. Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao quản lý, khai thác 21 hồ đập lớn, vừa và nhỏ, với tổng dung tích trữ nước khoảng 35,5 triệu m<sup>3</sup>; 06 trạm bơm tưới, có 18 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tưới là 15.376 m<sup>3</sup>/h; 05 trạm bơm tiêu, có 35 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tiêu là 149.700 m<sup>3</sup>/h; 01 cống tiêu dưới đê; quản lý gần 137 km kênh tưới, tiêu các loại và các công trình trên kênh như: 20 cống lấy nước dưới đập, 02 cống tháo sâu, 10 cầu máng, 10 xi phông...; Hàng năm phục vụ cấp nước, tưới tiêu cho khoảng 6.054 ha diện tích gieo trồng, tiêu cho 3.869 ha diện tích lưu vực; phục vụ tưới, tiêu cho 05 phường và một số doanh nghiệp; cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp cho các đơn vị trên địa bàn; góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời góp phần phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển.

Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều được chuyển đổi theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển Công ty Quản lý khai thác công trình Thủy lợi Đông Triều thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh".

### **1. Điều lệ hoạt động:**

Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan. Điều lệ hoạt động của Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt ban hành tại Quyết định số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020.

**2. Vốn điều lệ: 406.158.483.418 đồng.** (Bằng chữ: Bốn trăm linh sáu tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm mười tám đồng) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2103/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

### **3. Ngành, nghề kinh doanh chính:**

Công ty hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Đăng ký lần đầu: 24/11/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 02/7/2025). Công ty hoạt động trong các lĩnh vực chính, cụ thể: (1) Hoạt động dịch vụ trồng trọt; (2) Nuôi trồng thủy sản nội địa; (3) Sản xuất giống thủy sản; (4) Khai thác, xử lý và cung cấp nước; (5) Xây dựng công trình công ích; (6) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (7) Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; (8) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; (9) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế công trình thủy lợi.

### **4. Về tổ chức bộ máy và cơ cấu lao động**

#### **a. Tổ chức bộ máy của Công ty:**

- Chủ tịch công ty: 01 người;
- Kiểm soát viên chuyên trách: 01 người;
- Ban điều hành công ty gồm 03 người: Giám đốc công ty, Phó giám đốc công ty, Kế toán trưởng;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Tổ chức - Hành chính: 07 người; Phòng Tài chính - Kế hoạch: 03 người; Phòng Kỹ thuật - Dịch vụ: 05 người; Phòng Quản lý nước - Quản lý công trình: 04 người; Đội thi công sửa chữa công trình: 02 người;
- Các Cụm thủy nông trực thuộc Công ty: Cụm thủy nông Đạm Thủy: 09 người; Cụm thủy nông Hồng Phong: 04 người; Cụm thủy nông Tân Việt: 05 người; Cụm thủy nông Xuân Kim Sơn: 05 người; Cụm Thủy nông Khe Chè: 07 người; Cụm Thủy nông Trại Lốc: 07 người; Cụm Thủy nông Đồng Đò: 05 người; Cụm Thủy nông Bến Châu: 09 người; Cụm Thủy nông Tràng Lương: 04 người; Cụm Thủy nông Hồng Thái Tây: 11 người; Cụm Thủy nông Hồng Thái Đông: 06 người.

**b. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công nhân viên – người lao động trong Công ty hiện nay:**

- Thạc sĩ các ngành: 04 người (01 thạc sĩ quản lý kinh tế, 03 thạc sĩ thủy lợi);
- Đại học các ngành: 45 người (Kỹ sư thủy lợi: 21 người, Cử nhân kinh tế: 12 người, Kỹ sư cơ điện: 09 người, Cử nhân ngành sư phạm: 01 người, Cử nhân Luật: 01 người, Kỹ sư trắc địa: 01 người);
- Cao đẳng các ngành: 06 người (Cao đẳng thủy lợi: 03 người, Cao đẳng cơ điện: 02 người, Cao đẳng Tài nguyên nước: 01 người);
- Trung cấp các ngành: 05 người (Trung cấp thủy lợi: 01 người, Trung cấp cơ điện: 04 người);
- Công nhân kỹ thuật: 38 người (Công nhân nông giang: 30 người, Công nhân cơ điện: 07 người, Công nhân lái xe: 01 người).

## **II. Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2035**

### **1. Quan điểm phát triển:**

- Phát triển thủy lợi phải có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển phải bảo đảm hài hòa với nguồn nước, chủ động tạo nguồn nước, tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối nước giữa các mùa, vùng, lưu vực sông trên phạm vi toàn tỉnh;

- Phát triển thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, huy động sự tham gia của toàn xã hội, từng bước vận hành theo cơ chế thị trường;

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống bất lợi nhất; nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, sạt lở bờ sông, bờ biển; bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa nước thủy lợi.

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại hóa nhằm phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất và cơ cấu ngành nghề; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị và vận hành để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu dài hạn (đến năm 2035)**

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tưới nước, tiêu nước và cấp nước; phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

### **2.2. Mục tiêu trung hạn (đến năm 2030):**

- Tưới nước, cấp nước:

+ Bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; cấp và tạo nguồn cho khu đô thị, công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao từ hệ thống công trình thủy lợi;

+ Đảm bảo cấp, thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao và các mục tiêu khác trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiêu, thoát nước và bảo vệ môi trường nước:

+ Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực, đảm bảo tiêu thoát ở vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp với tần suất từ 5% đến 10%; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị tiêu vào hệ thống công trình thủy lợi;

+ Chủ động phòng, chống lũ, ngập lụt, ứng cho các khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn và các hoạt động sản xuất khác;

+ Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước.

- Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, .....kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình;

+ Bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu;

- Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:**

#### ***3.1. Nâng cao công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi***

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cụm thủy nông quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở; phát huy nội lực và vai trò chủ thể của người dân trong công tác thủy lợi; nâng cao chất lượng dịch vụ thủy lợi, mức bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Đảm bảo duy trì nhiệm vụ theo thiết kế; bảo trì, bảo dưỡng để nâng cao tuổi thọ công trình thủy lợi;

- Rà soát các đập, hồ chứa thủy lợi có nguy cơ mất an toàn, triển khai đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, khả năng xả lũ của các hồ chứa thủy lợi, từng bước nâng mức đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, nhất là đối với các hồ chứa thủy lợi lớn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo mưa, lũ và tiến tới vận hành các hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ theo thời gian thực; thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình và vùng hạ du đập, xây dựng phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

- Rà soát và đề xuất các biện pháp xử lý, thay thế các công trình thủy lợi đã xuống cấp, không thể sửa chữa, đặc biệt là các hồ chứa thủy lợi nhỏ hư hỏng nặng;

- Triển khai các giải pháp quản lý, giải pháp gắn với hệ sinh thái, tái sử dụng nước, kiểm soát nguồn thải, bảo vệ chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ các đối tượng sử dụng nước;

- Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo, quản lý, vận hành; đầu tư thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực dự báo nguồn nước, hạn hán, ngập lụt, úng chuyên dùng phục vụ công tác quản lý; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chỉ đạo, điều hành, vận hành hệ thống công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ, củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở theo hướng phục vụ đa dịch vụ, phù hợp với đặc thù vùng, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;

- Triển khai thực hiện chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa tổ chức cung cấp và người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, phù hợp với đặc thù của từng khu vực; thực hiện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để mở rộng, tăng nguồn thu, đảm bảo đủ chi phí quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên phát triển dịch vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, phát điện; áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng công trình thủy lợi hàng năm để sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống công trình do công ty quản lý, đảm bảo an toàn công trình và duy trì sự làm việc bình thường của công trình và máy móc, thiết bị.

- Tận dụng các nguồn lực, kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án bảo trì, nạo vét khôi phục dung tích các hồ chứa do Công ty quản lý kết hợp tận thu sản phẩm nạo vét để thực hiện kinh tế tuần hoàn theo chủ trương chung của tỉnh...

### **3.2. Khoa học công nghệ**

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước, đảm bảo chất lượng nước,... trong hoạt động thủy lợi. Trong đó, triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo diễn biến nguồn nước, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển để phục vụ hoạt động thủy lợi;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thông tin trong giám sát vận hành, điều tiết hồ chứa thủy lợi để đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước, nâng cao tuổi thọ và năng lực phục vụ của công trình thủy lợi;

- Triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước và tiêu, thoát nước;

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, cấu kiện mới và công nghệ hiện đại trong xây dựng công trình thủy lợi, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình;

### **3.3. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi**

Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới, trong đó thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, địa phương tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công trình gắn với Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, đầu tư xây dựng công trình thủy lợi cấp nước tưới và phục vụ sinh hoạt ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, trên các đảo có đông dân cư, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn;

- Sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có theo hướng hiện đại, đồng bộ; xây dựng hệ thống giám sát vận hành để nâng cao hiệu quả công trình;

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập;

- Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, cải tạo môi trường sinh thái;

### **3.4. Phát triển nguồn nhân lực**

Đào tạo nâng cao năng lực, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để tham gia vào tham gia hoạt động thủy lợi của Công ty. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực thủy lợi hiện có; xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với từng đối tượng, đào tạo năng lực quản trị;

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác thủy lợi; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở, bồi dưỡng tay nghề cho người lao động trực tiếp tham gia vận hành công trình;

- Thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào Công ty công tác, hình thành đội ngũ chuyên gia, chuyên sâu trong công tác thủy lợi tại Công ty.

### **3.5. Hoàn thiện các định mức, nội quy, quy chế**

Tăng cường thực thi pháp luật, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thủy lợi bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, nâng cao nhận thức của xã hội về pháp luật thủy lợi. Trong đó, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách lĩnh vực thủy lợi đồng bộ, thống nhất, tạo động lực khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động thủy lợi, huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển thủy lợi;

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi;

- Triển khai thực hiện đồng bộ chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với đặc thù vùng miền, đối tượng sử dụng dịch vụ; nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các bên liên quan; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng;

- Rà soát, bổ sung xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác thủy lợi; hướng dẫn thi hành pháp luật về thủy lợi, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan;

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp phương thức truyền thông với tuyên truyền qua mạng xã hội; lồng ghép nội dung thủy lợi vào một số chương trình giảng dạy.

### **3.6 Hoàn thiện tổ chức bộ máy**

Hoàn thiện tổ chức quản lý thủy lợi của Công ty bảo đảm đồng bộ, thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Rà soát lại cơ cấu tổ chức hiện tại để xác định những bộ phận chồng chéo, thiếu hiệu quả hoặc không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của công ty.;
- Loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết, sáp nhập các phòng ban có chức năng tương đồng để tăng hiệu quả quản lý.
- Củng cố các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, các Cụm thủy nông.
- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban và cá nhân để tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.
- Phân cấp quản lý rõ ràng, trao quyền cho các cấp quản lý để tăng tính chủ động và trách nhiệm.

## **III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026-2030**

### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp công ích chủ lực trong quản lý, khai thác và vận hành hệ thống công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, đồng thời thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công ty hướng tới hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành và điều tiết nguồn nước thông qua ứng dụng công nghệ số, tự động hóa và hệ thống giám sát điều khiển tập trung, từng bước xây dựng hệ thống công trình thủy lợi thông minh, an toàn, chủ động, linh hoạt, thích ứng với xu thế chuyển đổi số và biến đổi khí hậu.

Công ty định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới phát triển theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực, lấy hoạt động thủy lợi làm nòng cốt, phát huy tối đa lợi thế về năng lực quản lý, cơ sở hạ tầng và đội ngũ kỹ thuật, hướng tới tự chủ tài chính, tăng khả năng tự chủ vốn, giảm dần phụ thuộc vào ngân sách.

Tổ chức triển khai, thực hiện sắp xếp 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi Miền Đông, Yên Lập và Đông Triều thành Công ty TNHH MTV Thủy lợi Quảng Ninh theo đúng chủ trương của Nhà nước và UBND tỉnh, bảo đảm quá trình sắp xếp không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của đơn vị, cũng như các quy định của pháp luật.

## **2. Mục tiêu cụ thể:**

Trong giai đoạn 5 năm tới, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều đặt mục tiêu cụ thể như sau:

- Hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do Nhà nước đặt hàng, bảo đảm diện tích tưới tiêu ổn định khoảng 9.740,16 ha/năm.

- Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: Khoảng 16,2 triệu m<sup>3</sup>

- Doanh thu: 188,6 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng khoảng 2 %/năm.

- Lợi nhuận: 47,13 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng khoảng 5–8%/năm.

- Nộp ngân sách Nhà nước : 13,18 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư : 81,4 tỷ đồng.

- Số lao động: Duy trì ổn định khoảng 100 người/năm.

- Thu nhập bình quân của người lao động: giữ ổn định 14.000.000 đồng/người/tháng

## **3. Kế hoạch triển khai**

### **3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

#### **3.1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính**

- Diện tích tưới tiêu: Đảm bảo phục vụ tốt công tác tưới, tiêu cho khoảng 9.740,16 ha/năm. Trong đó:

+ Diện tích tưới là 5.870,98 ha;

+ Diện tích tiêu là 3.869,18 ha.

- Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: Cung cấp khoảng 1 triệu m<sup>3</sup> nước /năm. Mỗi năm tăng 6% sản lượng cấp nước; đến năm 2030 đạt khoảng 4,3 triệu m<sup>3</sup>.

#### **3.1.2. Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh đến năm cuối kỳ kế hoạch**

- Công ty dự kiến năm 2026, doanh thu đạt 34,5 tỷ đồng trong đó doanh thu ngoài công ích chiếm 9% tổng doanh thu, nộp ngân sách 0,4 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động đạt 13,5 triệu đồng/người/tháng.

- Phấn đấu đến năm 2030, doanh thu tăng lên 39,26 tỷ đồng trong đó doanh thu ngoài công ích chiếm 22% tổng doanh thu, lợi nhuận đạt 3,87 tỷ đồng, nộp ngân sách 1,94 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động đạt 14,0 triệu đồng/người/tháng.

Các chỉ tiêu được xây dựng theo hướng duy trì ổn định nhiệm vụ công ích, đồng thời mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của Công ty.

*(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)*

### **3.1.3. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm**

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều trong nhiều năm qua luôn đảm bảo ổn định trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, góp phần quan trọng vào phát triển sản xuất nông nghiệp địa phương và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp, dịch vụ và quá trình đô thị hóa, diện tích đất nông nghiệp dần thu hẹp, cơ cấu kinh tế địa phương chuyển dịch mạnh. Để thích ứng với xu thế chung và khai thác hiệu quả tiềm năng cơ sở vật chất, nguồn lực sẵn có. Công ty định hướng mở rộng phạm vi phục vụ và đa dạng hóa ngành nghề, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị và phát triển bền vững trong giai đoạn mới:

- Đa dạng hóa đối tượng phục vụ: Cấp nước và tiêu thoát nước cho các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, khu đô thị (khu công nghiệp Trảng An; Đông Triều 1 và Đông Triều 2 tại phường Hoàng Quế).

- Phát huy các năng lực, thế mạnh mở rộng khai thác các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh, và triển khai một số dịch vụ như: Liên doanh liên kết để làm dịch vụ du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng, nuôi trồng thủy sản, kết hợp bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị cảnh quan.

- Phát huy năng lực của đội ngũ lao động kỹ thuật có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn để cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành công trình theo hợp đồng dịch vụ; tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công trong lĩnh vực thủy lợi và lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông nội đồng cho địa phương và các cơ quan đơn vị khác có nhu cầu.

### **3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:**

#### **3.2.1. Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn 2026 - 2030**

- Đối với nguồn vốn khấu hao tài sản cố định và nguồn thu được từ thanh lý xử lý Tài sản cố định và nguồn bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Công ty: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đồng ý chủ trương đầu tư một số công trình đã xuống cấp, hết khấu hao, tổng số gồm 04 công trình với kinh phí thực hiện dự kiến là 9,95 tỷ đồng, cụ thể như sau: (1) năm 2026 và 2027: Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Xuân Sơn với kinh phí 4,5 tỷ đồng; (2) năm 2028: Mua xe ô tô con với kinh phí 0,95 tỷ, (3) Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Tân Việt, với kinh phí 1,5 tỷ đồng; (4) năm 2029: Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Bình Sơn, với kinh phí 3,0 tỷ đồng.

- Đối với nguồn vốn đầu tư công trung hạn: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan đề xuất được đầu tư, nâng cấp các công trình trong danh mục các công trình dự kiến đầu tư trong Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước (theo Quyết định 888/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh), cụ thể: (1) Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Sông Rắn, phường An Sinh với kinh phí dự kiến 10,0 tỷ đồng; (2) Sửa chữa, kín hoá kênh cấp nước thô hồ chứa nước Bến Châu, phường Bình Khê với kinh phí 16,4 tỷ đồng; (3). Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình đầu mối hồ Yên Dưỡng, phường Hoàng Quế. Tổng kinh phí để thực hiện dự kiến khoảng 4,5 tỷ đồng.

- Đối với các dự án thuộc nguồn vốn phòng, chống thiên tai: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan, đề xuất được đầu tư, nâng cấp các công trình có nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa, bảo đảm bảo an toàn công trình và tài sản của vùng hạ du, cụ thể: (1) Kiên cố kênh xả sau tràn xả lũ hồ chứa nước Đồng Đò 1, với kinh phí thực hiện dự kiến là 10,0 tỷ.

- Đối với các dự án bằng nguồn huy động xã hội hóa: Để khôi phục lại dung tích vốn có của các hồ chứa và đảm bảo an ninh nguồn nước trong giai đoạn 2026 – 2030, Công ty sẽ tận dụng các nguồn lực, kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án bảo trì, nạo vét khôi phục dung tích các hồ chứa do Công ty quản lý: Nạo vét bồi lắng lòng hồ Nhà Bò, Tân Yên (theo đề án đảm bảo an ninh nguồn nước được phê duyệt tại Quyết định 888/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023); Nạo vét các hồ chứa nước Bến Châu, Cỏ Lễ kết hợp tận thu sản phẩm nạo vét để thực hiện kinh tế tuần hoàn theo chủ trương chung của tỉnh...

- Đối với các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi, Tài nguyên nước, Đất đai: Sử dụng nguồn kinh phí trong hoạt động quản lý, khai thác và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư lắp đặt các hệ thống quản lý, giám sát vận hành theo Luật Tài nguyên nước: (1) Lắp đặt thiết bị quan trắc mực nước thượng lưu, lưu lượng khai thác, lưu lượng xả qua tràn tự động, trực tuyến đối với 06 hồ chứa: Khe Chè, Bến Châu, Trại Lốc 1, Đập Làng, Đồng Đò 1, Khe Ươn 1; (2) Lắp đặt hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động, trực tuyến cho hồ chứa nước: Trại Lốc 1.

+ Triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi: (1) Lập quy trình vận hành hồ chứa nước Khe Ươn 2; (2) Thực hiện kiểm định an toàn đập lần đầu đối với 09 đập, hồ chứa: Nhà Bò, Linh Sơn, Trại Lốc 2, Quán Vuông, Rộc Chày, Đá Trắng, Đồng Đò 1 và 2, Khe Ươn 2; (3) Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và bản đồ ngập lụt vùng hạ du đối với 06 hồ chứa nước: Nhà Bò, Đập Làng, Đồng Đò 1, Rộc Chày, Đá Trắng, Khe Ươn 2; (4) Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập cho 05 đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do: Khe Chè, Bến Châu, Đá Trắng, Đồng Đò 2, Trại Lốc 1 và 02 đập, hồ chứa có cửa van điều tiết lũ: Tân Yên, Cỏ Lễ; (5) Lập phương án bảo vệ cho 02 đập, hồ chứa nước: Khe Ươn 2, Nội Hoàng.

+ Triển khai thực hiện hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai theo Luật Đất đai: Thực hiện đo vẽ bản đồ xin giao đất hiện trạng 04 công trình đập, hồ chứa nước được bàn giao tài sản về Công ty: Góc Thau, Quán Vuông, Linh Sơn, Sóng Rắn và điều chỉnh ranh giới giao đất hiện trạng công trình đập, hồ chứa nước: Đập Làng.

### **3.2.2. Kế hoạch và kết quả đầu tư đến năm cuối kỳ kế hoạch:**

Năm 2026, Công ty dự kiến tập trung đầu tư kinh phí để triển khai hoàn thiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Thủy lợi, Tài nguyên nước và thực hiện đầu tư các công trình từ nguồn khấu hao tài sản cố định. Ước tính kinh phí triển khai năm 2026 khoảng 10,2 tỷ đồng, đạt 12,6% tổng kinh phí đầu tư trong kỳ.

Phân đầu đến năm 2030, Công ty sẽ triển khai thực hiện và hoàn thành 100% các dự án, công trình trong kỳ kế hoạch với tổng vốn đầu tư dự kiến đạt 81,4 tỷ đồng.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

#### **4. Các giải pháp thực hiện:**

##### **4.1. Giải pháp về tài chính**

Đặc thù của Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công ích và không vì mục tiêu lợi nhuận, nguồn kinh phí để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm do ngân sách nhà nước cấp.

Trong giai đoạn 2026–2030, để bảo toàn nguồn vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời, tạo thêm nguồn thu để nâng cao năng lực tài chính, giảm dần phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Công ty tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp trọng tâm sau:

- Tiếp tục quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước giao đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí. Chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn thông qua việc xây dựng kế hoạch phân bổ chi phí hợp lý, ưu tiên cho sửa chữa, nâng cấp các công trình trọng điểm.

- Chủ động tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan bố trí vốn ngân sách, đồng thời xây dựng cơ chế liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp để huy động nguồn vốn xã hội hóa để sửa chữa, nâng cấp công trình nhằm quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tổ chức rà soát các nhiệm vụ, khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích được giao. Lập kế hoạch tài chính theo từng giai đoạn để chủ động điều hành thu – chi, trong đó có phương án tài chính dự phòng đảm bảo ứng phó kịp thời với các biến động do thời tiết, thiên tai hoặc thay đổi cơ chế chính sách.

- Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, áp dụng cơ chế khoán chi, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phù hợp với định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được duyệt.

- Mở rộng và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ khác, nhằm tăng nguồn thu, nâng cao khả năng tự chủ về tài chính, chủ động tái đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng các công trình thủy lợi.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra công tác quản lý tài chính trong quá trình thực hiện.

##### **4.2. Giải pháp về sản xuất**

###### **4.2.1. Về quản lý nước:**

Công tác quản lý nước được Công ty triển khai theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 20 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 nhằm bảo đảm cung cấp nước an toàn, hiệu quả và công bằng phục vụ cho sản xuất sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế. Cụ thể, như sau:

- Công tác quan trắc, dự báo và cảnh báo: Thực hiện quan trắc thường xuyên mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các hồ chứa, trạm bơm, cống đầu mối và các điểm khai thác, sử dụng nước. Tổ chức lập và triển khai kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, úng ngập cho từng năm và từng vụ sản xuất để phục vụ cho công tác quản lý.

- Công tác lập và thực hiện kế hoạch phân phối nước: Hằng năm, căn cứ điều kiện thủy văn và nhu cầu sử dụng nước, Công ty xây dựng kế hoạch điều phối, dẫn nước khoa học, hợp lý, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt. Trong đó, ưu tiên cấp nước cho dân sinh và các nhu cầu thiết yếu khác.

- Công tác quản lý chất lượng nước và bảo vệ nguồn nước: Tăng cường kiểm soát chất lượng nước tại các công trình khai thác, kịp thời phát hiện và xử lý tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để ngăn chặn kịp thời các hành vi lấn chiếm, xả thải trái phép, gây ảnh hưởng đến nguồn nước.

- Công tác ứng phó thiên tai và rủi ro về nguồn nước: Xây dựng, cập nhật và triển khai phương án phòng chống hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn và sự cố khẩn cấp liên quan đến nguồn nước. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, tổ chức lực lượng thường trực, dự trữ vật tư, phương tiện và tổ chức diễn tập định kỳ để nâng cao năng lực ứng phó thiên tai và rủi ro.

- Công tác lập hồ sơ và lưu trữ: Lập, quản lý và lưu trữ đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, nhật ký vận hành, báo cáo quan trắc và kế hoạch phân phối nước dưới dạng giấy và công nghệ số, bảo đảm thuận tiện cho việc kiểm tra, đánh giá và phục vụ quản lý nhà nước.

- Áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến và khoa học để tiết kiệm nước tưới, tiết kiệm điện năng; có biện pháp để điều hòa nước tại các hồ chứa nước giữa các đơn vị cụm thủy nông với nhau, nâng cao hiệu quả, phát huy công năng sử dụng;

#### 4.2.2. Về quản lý công trình:

Công tác quản lý công trình được Công ty triển khai theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 20 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 nhằm bảo đảm an toàn quản lý, vận hành hiệu quả và phát huy tối đa công năng của hệ thống công trình. Cụ thể, như sau:

- Công tác quan trắc, kiểm tra và kiểm định an toàn công trình: Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất đối với đập, hồ chứa, kênh mương, cống, trạm bơm và các hạng mục công trình phụ trợ; thực hiện kiểm định định kỳ theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá tình trạng công trình và phát hiện kịp thời nguy cơ sự cố công trình.

- Công tác bảo trì, sửa chữa và nâng cấp công trình: Lập và triển khai kế hoạch bảo trì hằng năm, kế hoạch bảo trì trung hạn và dài hạn; thực hiện sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất và nâng cấp công trình theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm an toàn vận hành và duy trì công suất thiết kế.

- Công tác lập và thực hiện phương án ứng phó thiên tai: Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình trong tình huống thiên tai, sự cố khẩn cấp như bão, lũ, động đất, vỡ đập, sạt lở, thấm đập. Chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư dự phòng và tổ chức diễn tập định kỳ để nâng cao năng lực xử lý.

- Công tác lập hồ sơ quản lý công trình: Thiết lập và duy trì hệ thống hồ sơ kỹ thuật công trình (hồ sơ hoàn công, nhật ký vận hành, biên bản kiểm tra, kết quả kiểm định, phương án phòng chống thiên tai...), lưu trữ dưới dạng giấy và công nghệ số, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và sẵn sàng phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

#### 4.2.3. Về quản lý kinh tế:

Công tác quản lý kinh tế được Công ty triển khai theo đúng quy định tại khoản 3, Điều 20 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, minh bạch trong hạch toán và duy trì bền vững hoạt động cung cấp dịch vụ công ích. Cụ thể, như sau:

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, làm cơ sở để lập dự toán, ký kết hợp đồng, nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng đặt hàng hàng năm của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi sát, đúng với nhu cầu của các đơn vị dùng nước và định mức kinh tế kỹ thuật.

- Công tác ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi cần đảm bảo quy định rõ quyền lợi, nghĩa vụ và chế tài xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự công bằng và minh bạch trong quan hệ giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Hàng năm, tổ chức đánh giá toàn diện hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để kiến nghị giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý, điều chỉnh định mức, đơn giá, bố trí nguồn lực đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi.

#### 4.3. Giải pháp về marketing

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá nhằm khẳng định vai trò, vị thế, uy tín trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Các giải pháp cần triển khai:

- Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan truyền thông, tổ chức đoàn thể để tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của hệ thống công trình thủy lợi, đối với phát triển nông nghiệp, dân sinh và kinh tế địa phương; vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ, khai thác công trình hiệu quả.

- Tăng cường quảng bá trên các phương tiện truyền thông, báo chí, công thông tin điện tử của Ứng dụng công nghệ số trong marketing; xây dựng website hiện đại, tích hợp hệ thống dữ liệu, báo cáo, dịch vụ trực tuyến. Sử dụng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube) để lan tỏa thông tin, tiếp cận cộng đồng, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số trong khảo sát, nghiên cứu thị trường, quản lý khách hàng, phục vụ hoạch định chiến lược dịch vụ.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài ngành để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng công nghệ kỹ thuật mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chủ động mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng nhằm tăng doanh thu, củng cố uy tín và nâng cao vị thế của Công ty.

#### **4.4. Giải pháp về nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả hoạt động quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Trong bối cảnh yêu cầu ngày càng cao về dịch vụ công ích, ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và tinh thần trách nhiệm là nhiệm vụ trọng tâm. Do đó, trong giai đoạn 2026–2030, Công ty chú trọng triển khai các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuẩn hóa, chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Chủ động dự báo nhu cầu lao động theo thời kỳ và chức năng nhiệm vụ; bố trí, sắp xếp nhân sự khoa học, hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực, sở trường của cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục rà soát để bố trí người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn kỹ thuật theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ và Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ đảm bảo khai thác, vận hành công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện sắp xếp, bố trí lại các Cụm thủy nông theo địa giới hành chính mới của xã phường sau sáp nhập, đảm bảo phân công lao động hợp lý theo từng khu vực quản lý công trình, phù hợp với phạm vi phục vụ và nhu cầu thực tế. Việc sắp xếp được thực hiện theo hướng tinh gọn, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời bảo đảm quyền lợi, ổn định việc làm cho người lao động.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, quản lý không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ mà còn về kỹ năng lãnh đạo, quản trị và lý luận chính trị, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới và bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, bậc thợ; định kỳ tổ chức huấn luyện về an toàn công trình, vận hành hồ đập, phòng chống thiên tai, bồi dưỡng kỹ năng xử lý sự cố.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ mới, phần mềm quản lý và kỹ năng vận hành thiết bị hiện đại, đặc biệt chú trọng đào tạo nhân lực kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi hiện đại. Tạo cơ hội cho cán bộ, người lao động được tham gia các khóa học, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm để phát triển nghề nghiệp.

- Chủ động tuyển dụng, đào tạo và bố trí cán bộ có chuyên môn về marketing số, công nghệ thông tin và kỹ thuật tự động hóa, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống số và đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát triển thị trường.

- Tăng cường kỷ luật và văn hóa số, áp dụng hệ thống điện tử trong quản lý giờ giấc, chấm công, giám sát tác phong, nâng cao ý thức tuân thủ quy trình và trách nhiệm công việc.

- Khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật gắn kết quả ứng dụng công nghệ với đánh giá thi đua khen thưởng, tạo động lực đổi mới, sáng tạo.

- Phân đầu đến hết năm 2026, 100% cán bộ người lao động đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm; các công trình thủy lợi lớn được bố trí nhân lực đầy đủ về số lượng, bằng cấp, kỹ năng vận hành; xây dựng đội ngũ lao động thủy lợi chuyên nghiệp, làm chủ được tình huống, làm chủ được công nghệ.

- Xây dựng chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi hợp lý; gắn thu nhập với năng suất, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp, nhằm thu hút kỹ sư trẻ, giỏi công nghệ, đồng thời giữ chân đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ kỹ thuật giàu kinh nghiệm; khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và khai thác nguồn thu mới cho công ty.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, minh bạch, có cơ chế khuyến khích sáng tạo và đổi mới; đồng thời bố trí lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, cơ hội thăng tiến cho người lao động.

#### **4.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:**

Trong giai đoạn 2026–2030, cùng với yêu cầu hiện đại hóa ngành thủy lợi và xu thế chuyển đổi số, việc ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Công ty. Đây là cơ sở để nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống công trình, tiết kiệm chi phí, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai. Do đó, Công ty xác định đẩy mạnh các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật nhằm quản lý nước và công trình một cách an toàn, khoa học, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Công ty tập trung triển khai một số giải pháp chính:

- Trang bị và triển khai các phần mềm quản lý tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính minh bạch và hỗ trợ ra quyết định kịp thời:

+ Đối với bộ phận quản lý: Trang bị phần mềm quản lý quản lý công việc, dự án (giao việc, theo dõi tiến độ, báo cáo); quản lý nhân sự (tuyển dụng, chấm công, tính lương, đánh giá hiệu suất); quản trị nội bộ (quy trình phê duyệt, lưu trữ văn bản, truyền thông nội bộ); Hỗ trợ ra quyết định bằng hệ thống báo cáo dữ liệu trực quan. như phần mềm Ba se.vn, VNPT-iOffice, Trello.....

+ Đối với bộ phận tài chính – kế toán: Trang bị phần mềm tích hợp trong công tác hạch toán, kế toán, theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ, tự động tính lương, bảo hiểm như MISA SME, FAST Accounting...

+ Đối với bộ phận tổ chức – nhân sự: Áp dụng phần mềm quản lý nhân sự kết hợp chấm công linh hoạt bằng máy chấm vân tay hoặc xác thực khuôn mặt tại văn phòng Công ty; lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cụm thủy nông để phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra và nâng cao kỷ luật lao động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong quản lý vận hành công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thất thoát và tối ưu nguồn lực:

+ Ứng dụng hệ thống SCADA trong giám sát, điều khiển từ xa các thiết bị, trạm bơm, cống, kênh mương;

+ Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý bản đồ số diện tích tưới, công trình thủy lợi;

+ Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dự báo hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn; triển khai ứng dụng quản lý nước thông minh trên điện thoại;

+ Đầu tư nâng cấp, lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát tự động theo quy định: Cảm biến đo áp lực thấm, chuyển vị thân đập; đo mực nước thượng lưu, hạ lưu; lưu lượng qua cống, lưu lượng xả qua tràn; lượng mưa... tại các hồ chứa, trạm bơm;

+ Ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, UAV (drone): Theo dõi diện tích hồ, tình trạng rừng đầu nguồn, phát hiện sạt trượt mái đập, bồi lắng biến động lòng hồ, hệ thống kênh mương; phát hiện các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi...

+ Từng bước đầu tư, thay thế các thiết bị, động cơ, máy bơm đã cũ bằng các loại máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu suất vận hành;

+ Thay thế toàn bộ hệ thống vận hành cống quay tay bằng motor điện hoặc bộ truyền động thủy lực;

- Trong công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình thủy lợi: Áp dụng các phần mềm để quản lý đồng bộ thông tin; ứng dụng công nghệ BIM, GIS, UAV, IoT trong khảo sát, thiết kế, giám sát để nâng cao chất lượng, minh bạch khối lượng, rút ngắn tiến độ và tiết kiệm chi phí.

#### ***4.6. Giải pháp về quản lý và điều hành:***

Quản lý và điều hành là khâu then chốt, quyết định hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong giai đoạn 2026–2030, để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Công ty chú trọng hoàn thiện mô hình quản lý, tăng cường tính minh bạch, khoa học và hiện đại trong điều hành; gắn trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ quản lý với kết quả thực hiện nhiệm vụ; đồng thời bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Đây là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, phát huy vai trò doanh nghiệp. Công ty tập trung các giải pháp sau:

- Hoàn thiện, ổn định bộ máy tổ chức và cơ chế quản lý nội bộ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, sự thay đổi địa giới hành chính và bối cảnh phát triển mới, nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều hành, kiểm tra, giám sát.

- Phân cấp quản lý cụ thể, gắn trách nhiệm với quyền hạn. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các phòng ban, cụm thủy nông trực thuộc trong công ty, gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý và điều hành.

- Xây dựng đội ngũ quản lý có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo kỹ năng quản trị, tài chính, kỹ thuật và công nghệ theo đúng yêu cầu nhiệm vụ.
- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và điều hành.
- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy chế hoạt động nội bộ của Công ty để phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh và các quy định pháp luật có liên quan.
- Thành lập và phát triển bộ phận chuyên trách quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài công ích, bảo đảm hoạt động minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát; tổ chức kiểm tra nội bộ định kỳ và đột xuất để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm, nâng cao hiệu lực quản lý.

#### **4.7. Giải pháp khác**

Bên cạnh các giải pháp trọng tâm về tài chính, sản xuất, nhân lực, công nghệ – kỹ thuật và quản lý, điều hành, Công ty triển khai một số giải pháp khác mang tính hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện đồng bộ để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026–2030. Cụ thể:

- Phát động phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, an toàn công trình: Thi đua đảm bảo an toàn công trình xanh sạch đẹp; thi đua tiết kiệm điện năng, tiết kiệm nước, thi đua sáng kiến, cải tiến kỹ thuật...nâng cao năng suất, gắn với mục tiêu kế hoạch từng giai đoạn.
- Tổ chức các hoạt động thi đua, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao gắn với phúc lợi, đời sống người lao động, nâng cao tinh thần, tạo động lực cho người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hình ảnh của công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết.

Trên đây là chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2035, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (giai đoạn 2026- 2030) của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Đông Triều. Công ty xin báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh nắm được./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: Công ty.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Đặng Văn Tuyên**

**BIỂU KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN (2026-2030)**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước giá trị thực hiện năm kế hoạch				Ước giá trị thực hiện cả kỳ	Ghi chú	
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029			Năm 2030
1	<b>Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu</b>								
-	Diện tích tưới tiêu	ha	9.740,16	9.706,83	9.663,13	9.653,39	9.635,20	Phụ lục số 04	
-	Khối lượng nước cấp cho sản xuất công nghiệp và sinh hoạt	m <sup>3</sup>	930.150	3.188.750	3.602.375	4.224.700	4.326.198	Phụ lục số 05	
2	<b>Doanh thu</b>		34,50	37,64	38,14	39,11	39,26	188,66	
-	Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích	Tỷ đồng	31,3	31,2	30,9	30,8	30,6	154,8	Phụ lục số 04
-	Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	Tỷ đồng	1,3	4,5	5,0	5,9	6,1	22,8	Phụ lục số 05
-	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	1,9	1,98	2,2	2,4	2,6	11,08	
3	<b>Lợi nhuận</b>	Tỷ đồng	0,00	2,54	3,02	3,75	3,87	13,18	
4	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	Tỷ đồng	0,40	1,40	1,59	1,88	1,94	7,21	
5	<b>Vốn đầu tư</b>	Tỷ đồng	10,20	25,70	25,90	13,00	6,60	81,4	Phụ lục số 02
6	<b>Lao động</b>	Người/năm	100	100	100	100	100	100	
7	<b>Tiền lương</b>	Triệu đồng/tháng	13,5	14,0	14,0	14,0	14,0	13,9	

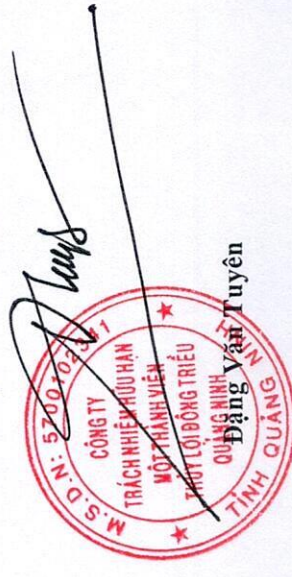
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Loan

CHỦ TỊCH CÔNG TY



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026-2030

STT	Nội dung	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
		Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (đồng)	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (đồng)
1	Công ty cổ phần nước sạch QN	803.000	1.124.200.000	2.810.500	3.934.700.000	3.075.125	4.305.175.000	3.558.750	4.982.250.000	3.558.750	4.982.250.000
-	Hồ chứa nước Khe Chè	346.750	485.450.000	1.213.625	1.699.075.000	1.387.000	1.941.800.000	1.733.750	2.427.250.000	1.733.750	2.427.250.000
-	Hồ chứa nước Trại Lốc 1	456.250	638.750.000	1.596.875	2.235.625.000	1.688.125	2.363.375.000	1.825.000	2.555.000.000	1.825.000	2.555.000.000
2	Công ty Than Ưông Bí-TKV	54.750	76.650.000	109.500	153.300.000	109.500	153.300.000	120.450	168.630.000	131.400	183.960.000
-	Hồ chứa nước Nội Hoàng	54.750	76.650.000	109.500	153.300.000	109.500	153.300.000	120.450	168.630.000	131.400	183.960.000
3	Công ty Cổ phần 397	40.000	56.000.000	91.250	127.750.000	91.250	127.750.000	-	-	-	-
-	Hồ chứa nước Khe Ươm 2	40.000	56.000.000	91.250	127.750.000	91.250	127.750.000	-	-	-	-
4	Công ty cổ phần sân Golf Silk Path	16.800	23.520.000	50.400	70.560.000	50.400	70.560.000	50.400	70.560.000	58.800	82.320.000
-	Hồ chứa nước Khe Chè	16.800	23.520.000	50.400	70.560.000	50.400	70.560.000	50.400	70.560.000	58.800	82.320.000
5	Công ty Gốm TNHH liên doanh gốm xây dựng Hoàng Quế	3.600	5.040.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000
-	Kênh dẫn nước về hồ Cỏ Lẽ	3.600	5.040.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000	18.250	25.550.000
6	Công ty TNHH Mira TAV	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	548	766.500
-	Kênh tưới của trạm bơm tưới, tiêu Việt Dân	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	6.000	8.400.000	548	766.500
7	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Quang Minh	6.000	8.400.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000
-	Hồ chứa nước Khe Ươm 2	6.000	8.400.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000	32.850	45.990.000
8	Công ty Cổ phần Dabaco	-	0	70.000	98.000.000	146.000	204.400.000	219.000	306.600.000	292.000	408.800.000
-	Hồ chứa nước Bến Châu	-	0	70.000	98.000.000	146.000	204.400.000	219.000	306.600.000	292.000	408.800.000
9	Khu Công nghiệp Đông	-	0	-	-	73.000	102.200.000	219.000	306.600.000	233.600	327.040.000
-	Hồ chứa nước Khe Ươm 1 và Nội Hoàng	-	0	-	-	73.000	102.200.000	219.000	306.600.000	233.600	327.040.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>930.150</b>	<b>1.302.210.000</b>	<b>3.188.750</b>	<b>4.464.250.000</b>	<b>3.602.375</b>	<b>5.043.325.000</b>	<b>4.224.700</b>	<b>5.914.580.000</b>	<b>4.326.198</b>	<b>6.056.676.500</b>

NGƯỜI LẬP

*Nguyễn Văn Trung*

Nguyễn Văn Trung

TRƯỞNG PHÒNG QL NƯỚC - QL CÔNG TRÌNH

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



*Lê Văn Kiên*

Lê Văn Kiên

DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên nội dung, hạng mục công trình thực hiện	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng kinh phí	Chi chú
1	<b>Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ nguồn quản lý khai thác hàng năm</b>						26.000	
	Sử dụng hiện quả nguồn vốn bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng công trình thủy lợi hàng năm để sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống công trình do công ty quản lý, đảm bảo an toàn công trình và duy trì sự làm việc bình thường của công trình và máy móc, thiết bị	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	26.000	
2	<b>Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ nguồn xã hội hóa</b>						140.000	
1	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Tân Yên, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh		20.000				20.000	Nguồn vốn xã hội hóa theo Quyết định 888/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023)
2	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Nhà Bò, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh		20.000				20.000	
3	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Bến Châu (khu vực trước trường bán), phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh				20.000		20.000	
4	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Cỏ Lẽ, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh					20.000	20.000	
4	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Rộc Chày, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh			20.000			20.000	Nguồn vốn xã hội hóa
5	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Khe Chè, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh				20.000		20.000	
6	Nạo vét bồi lắng lòng hồ chứa nước Trại Lốc, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh					20.000	20.000	
	<b>Tổng cộng</b>						166.000	

NGƯỜI LẬP

Lê Thu Hà

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Nguyễn Văn Phúc

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Hà

**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH TƯỚNG TIÊU, CẤP NƯỚC GIAI ĐOẠN (2026-2030)**

Số TT	Đơn vị hợp đồng	Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2026		Kế hoạch năm 2027		Kế hoạch năm 2028		Kế hoạch năm 2029		Kế hoạch năm 2030		Tổng 5 năm		Chi chú
		Diện tích thực hiện năm 2025	Diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Tổng cộng diện tích (ha)	Doanh thu (đồng)	Tổng doanh thu (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
A	<b>ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN SPĐVCITL</b>	9.687,67	9.607,50	31.073.920.557	9.574,18	30.988.904.449	9.530,48	30.685.872.369	9.520,7	30.657.373.633	9.502,54	30.456.325.353	47.735,4	153.862.396.362		
I	<b>ĐÔNG BÀNG</b>	9.352,56	9.272,39	29.787.311.277	9.239,07	29.702.295.169	9.196,37	29.433.055.089	9.186,6	29.404.556.353	9.170,93	29.287.988.073	46.065,4	147.615.205.962		
1	HTX NN HỒNG PHONG	794,77	794,77	2.163.172.530	794,77	2.163.172.530	794,77	2.163.172.530	794,8	2.163.172.530	794,77	2.163.172.530	3.793,9	10.815.862.650		
2	HTX NN ĐỘC LẬP	238,89	238,89	773.367.088	238,89	773.367.088	238,89	773.367.088	238,9	773.367.088	238,89	773.367.088	1.294,5	3.866.835.440		
3	HTX NN ĐỨC CHÍNH	585,07	585,07	2.397.145.762	585,07	2.397.145.762	585,07	2.397.145.762	585,1	2.397.145.762	585,07	2.397.145.762	2.925,4	11.985.728.810		
4	HTX NN TRĂNG AN	697,00	697,00	2.409.827.946	697,00	2.409.827.946	661,80	2.284.617.866	661,8	2.284.617.866	661,30	2.283.657.666	3.378,9	11.672.549.290		
5	HTX NN XUÂN SƠN	256,20	256,20	1.338.039.040	256,20	1.338.039.040	256,20	1.338.039.040	256,2	1.338.039.040	256,20	1.338.039.040	1.281,0	6.690.195.200		
6	HTX NN KIM SƠN	457,22	457,22	1.163.564.040	457,22	1.163.564.040	457,22	1.163.564.040	457,2	1.163.564.040	457,22	1.163.564.040	2.286,1	5.817.820.200		
7	HTX NN BÌNH DƯƠNG	1.195,28	1.195,28	3.377.869.152	1.195,28	3.377.869.152	1.192,3	3.372.107.952	1.192,3	3.372.107.952	1.192,28	3.372.107.952	5.967,4	16.872.062.162		
8	HTX NN THUY AN	640,44	640,44	1.937.500.858	640,44	1.937.500.858	640,44	1.937.500.858	640,44	1.937.500.858	640,44	1.937.500.858	3.202,2	9.687.504.292		
9	HTX NN TÂN VIỆT	456,53	456,53	1.915.587.432	451,69	1.893.618.056	451,69	1.893.618.056	451,7	1.893.618.056	449,29	1.889.009.096	2.260,9	9.485.450.698		
10	HTX NN BÌNH KHÉ	961,96	954,32	3.626.284.340	946,32	3.610.921.140	941,82	3.472.652.340	938,8	3.466.891.140	933,02	3.398.140.820	4.714,3	17.574.889.780		
11	HTX NN AN SINH	657,86	654,36	2.195.696.674	645,88	2.171.057.942	645,88	2.171.057.942	645,9	2.171.057.942	638,88	2.128.809.142	3.230,9	10.837.679.642		
12	HTX NN VĨNH THẮNG	121,11	121,82	510.536.984	121,82	510.536.984	121,82	510.536.984	121,8	510.536.984	121,82	510.536.984	609,1	2.552.684.920		
13	HTX NN HOÀNG QUÊ	256,06	256,06	1.076.038.528	256,06	1.076.038.528	256,06	1.076.038.528	256,1	1.076.038.528	256,06	1.076.038.528	1.280,3	5.380.192.640		
14	HTX NN HỒNG THÁI TÂY	273,36	273,36	1.258.727.604	273,36	1.258.727.604	273,36	1.258.727.604	273,4	1.258.727.604	273,36	1.258.727.604	1.366,8	6.293.638.020		
15	HTX NN HỒNG THÁI ĐÔNG	534,34	464,60	1.973.009.482	452,60	1.949.964.682	445,9	1.949.964.682	445,9	1.927.227.146	445,86	1.927.227.146	2.261,5	9.727.393.138		
16	HTX NN NGUYỄN HUE	510,29	510,29	759.509.060	510,29	759.509.060	510,29	759.509.060	510,3	759.509.060	510,29	759.509.060	2.551,5	3.797.345.300		
17	HTX NN VIỆT ĐÀN	545,33	545,33	708.929.000	545,33	708.929.000	545,33	708.929.000	545,3	708.929.000	545,33	708.929.000	2.726,7	3.544.645.000		
18	HTX NN HƯƠNG ĐẠO	148,55	148,55	193.115.000	148,55	193.115.000	148,55	193.115.000	148,6	193.115.000	148,55	193.115.000	742,8	965.575.000		
19	BA NGỒ THỊ MỊCH	0,76	0,76	3.533.536	0,76	3.533.536	0,76	3.533.536	0,8	3.533.536	0,76	3.533.536	3,8	17.667.680		
20	ÔNG NGUYỄN VĂN PHIÊU	1,55	1,55	5.857.220	1,55	5.857.220	1,55	5.857.220	1,6	5.857.220	1,55	5.857.220	7,8	29.286.100		
II	<b>MIỀN NÚI</b>	335,11	335,11	1.286.609.280	335,11	1.286.609.280	334,11	1.252.817.280	334,1	1.252.817.280	331,61	1.168.337.280	1.670,1	6.247.190.400		
1	HTX NN TRĂNG LƯƠNG	335,11	335,11	1.286.609.280	335,11	1.286.609.280	334,11	1.252.817.280	334,1	1.252.817.280	331,61	1.168.337.280	1.670,1	6.247.190.400		
B	<b>ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN SPĐVCITL</b>	139,86	132,66	189.801.715	132,66	189.801.715	132,66	189.801.715	132,7	189.801.715	132,66	189.801.715	663,3	949.008.576		
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	9.827,54	9.740,16	31.263.722.272	9.706,84	31.178.706.164	9.663,14	30.875.674.084	9.653,4	30.847.175.348	9.635,20	30.646.127.068	48.298,7	154.811.404.938		

NGƯỜI LẬP

*Nguyễn Văn Trung*

Nguyễn Văn Trung

TRƯỞNG PHÒNG QL NƯỚC - QL CÔNG TRÌNH



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Lê Văn Kiên

DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

STT	Tên nội dung, hạng mục công trình thực hiện	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng kinh phí	Chi chú
I	Các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước						30.623	
	Các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi						21.283	
1	Lập quy trình vận hành hồ chứa nước Khe Uơn 2			618			618	
2	Thực hiện kiểm định an toàn đập lần đầu đối với 09 đập, hồ chứa: Nhà Bò, Linh Sơn, Trại Lốc 2, Quán Vuông, Rộc Chày, Đá Trắng, Đồng Đò 1 và 2, Khe Uơn 2	719	3.523	3.523			7.765	
3	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và bản đồ ngập lụt vùng hạ du đối với 06 hồ chứa nước: Nhà Bò, Đập Láng, Đồng Đò 1, Rộc Chày, Đá Trắng, Khe Uơn 2		3.750	3.750			7.500	
4	Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập cho 05 đập, hồ chứa nước lớn có tràn tự do: Khe Chè, Bến Châu, Đá Trắng, Đồng Đò 2, Trại Lốc 1 và 02 đập, hồ chứa có cửa van điều tiết lũ: Tân Yên, Cỏ Lễ			1.800	2.000	1.600	5.400	
	Các nhiệm vụ theo Luật Tài nguyên nước						8.640	
1	Lắp đặt thiết bị quan trắc mực nước thượng lưu, lưu lượng khai thác, lưu lượng xả qua tràn tự động cho 06 hồ chứa nước (Khe Chè, Bến Châu, Trại Lốc 1, Đập Láng, Đồng Đò 1, Khe Uơn 1)		8.640				8.640	
2	Lắp đặt hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động, trực tuyến cho chứa nước Trại Lốc 1							
	Các nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ pháp lý về Luật Đất đai						700	
1	Triển khai thực hiện đo vẽ bản đồ xin giao đất hiện trạng 04 công trình đập, hồ chứa nước được bàn giao tài sản về Công ty: Gốc Thau, Quán Vuông, Linh Sơn, Sóng Rắn và điều chỉnh ranh giới giao đất hiện trạng công trình đập, hồ chứa nước: Đập Láng	700					700	
II	Nguồn khấu hao tài sản cố định và nguồn thu được từ thanh lý xử lý Tài sản cố định và nguồn bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.						9.950	
1	Mua xe ô tô		950				950	
2	Xây mới nhà trạm, thay thế máy bơm trạm bơm tưới Tân Việt				1.500		1.500	
3	Xây mới nhà trạm, thay thế máy bơm trạm bơm tưới Xuân Sơn	4.500					4.500	
4	Xây mới nhà trạm, thay thế máy bơm trạm bơm tưới Bình Sơn			3.000			3.000	
III	Nguồn vốn trung hạn						30.900	
1	Sửa chữa, kín hoá kênh cấp nước thô hồ chứa nước Bến Châu, phường Bình Khê			16.400			16.400	Nguồn vốn ngân sách tỉnh theo Quyết định 888/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023)
2	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình đầu mối hồ Yên Dưỡng, xã Hồng Thái Đông				4.500		4.500	
3	Sửa chữa, nâng cấp đập chính hồ chứa nước Sóng Rắn					10.000	10.000	
IV	Nguồn phòng chống thiên tai						10.000	
1	Kiến cố hoá tuyến kênh dẫn sau tràn hồ chứa nước Đồng Đò 2			10.000			10.000	
	<b>Tổng cộng (I+II+III+IV)</b>						<b>81.473</b>	

NGƯỜI LẬP

Lê Thu Hà

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Nguyễn Văn Phúc

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Hà